

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH Chuyển đổi số thành phố Cần Thơ năm 2025

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt Đề án Chuyển đổi số thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025-2030;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn thành phố, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển chính quyền số phục vụ người dân, doanh nghiệp, phục vụ chỉ đạo điều hành của cơ quan nhà nước; phát triển kinh tế số với trọng tâm là doanh nghiệp, sản phẩm công nghệ số, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; phát triển xã hội số hỗ trợ người dân có cơ hội tiếp cận dịch vụ công, đào tạo, tri thức. Thành phố Cần Thơ phấn đấu thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố thực hiện chuyển đổi số tốt.

2. Mục tiêu cụ thể

- a) Về phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động
- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ;
 - Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ tối thiểu 95%;
 - Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ tối thiểu 60%;
 - 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến. Trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên;
 - Số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành. Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%;
 - 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin báo cáo của thành phố và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành;

- Tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số đạt tối thiểu 70%;
 - 100% các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp dữ liệu mở theo Danh mục Dữ liệu mở của thành phố;
 - Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) cấp tỉnh đạt 90%; cấp huyện đạt 80%; cấp xã đạt 60%;
 - Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%;
 - 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số;
 - 100% Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được trang bị đầy đủ thiết bị CNTT (máy quét mã QR, máy scan, máy in...) phục vụ Đề án 06, chuyển đổi số;
 - 100% máy chủ, máy trạm tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung bảo vệ;
 - 100% các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn bố trí bộ phận hoặc đầu mối thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.
- b) Về phát triển kinh tế số
- Tỷ trọng kinh tế số trên GDP đạt tối thiểu 20%;
 - Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%;
 - Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
 - 100% trung tâm thương mại; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách;
 - 99% doanh nghiệp nộp thuế điện tử;
 - Đưa Khu Công nghệ thông tin tập trung Cần Thơ đi vào hoạt động hiệu quả.
- c) Về phát triển xã hội số
- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%;
 - 100% số hộ gia đình, 100% xã, phường, thị trấn có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng;
 - Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh đạt 100%;

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%;
- Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; 100% xã, phường, thị trấn có mạng di động 5G;
- 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác;
- 70% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản;
- 70% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản;
- 50% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.

(Đính kèm Phụ lục I)

II. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Đính kèm Phụ lục II)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng dự toán thực hiện từ nguồn chi ngân sách là: 150,327,674,000 đồng

1. Nguồn đầu tư phát triển là: 94,100,000,000 đồng;
2. Nguồn sự nghiệp là: 56,227,674,000 đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là đầu mối, phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ các sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các ngành, địa phương, tổng hợp tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của các ngành, địa phương, định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thành phố và các địa phương có liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại phụ lục kèm Kế hoạch này;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn thành phố triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh truyền thông khác để các cấp, các ngành và đông đảo người dân, tổ chức, doanh nghiệp biết, hiểu và tích cực tham gia thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương và các sở ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số;

b) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại phụ lục của Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố Cần Thơ năm 2025 theo quy định;

b) Thực hiện các mục tiêu, các nhiệm vụ được phân công thực hiện tại phụ lục của Kế hoạch.

4. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố; đồng thời tổ chức cuộc thi đánh giá năng lực ứng dụng công nghệ thông tin theo Kế hoạch đã ban hành;

b) Thực hiện các mục tiêu, các nhiệm vụ được phân công thực hiện tại phụ lục của Kế hoạch.

5. Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Chịu trách nhiệm người đứng đầu trước Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý;

b) Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng Kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tiến độ, có trọng tâm, trọng điểm và lựa chọn một công việc mang tính đột phá, triển khai có hiệu quả thiết thực nhằm tạo chuyển biến chung đối với công tác chuyển đổi số của chính cơ quan, đơn vị mình. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại phụ lục của Kế hoạch;

c) Phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của thành phố đảm bảo tính đồng bộ, kết nối chia sẻ dữ liệu.

6. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Cần Thơ, các tổ chức chính trị - xã hội, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ, Báo Cần Thơ, Cổng Thông tin điện tử thành phố và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn thành phố

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình, mạng xã hội theo quy định; phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, mô hình điển hình về chuyển đổi số; đặc biệt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Cần Thơ quan tâm bố trí lực lượng nòng cốt là các thanh niên am hiểu công nghệ vào thành phần Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp. Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại phụ lục của Kế hoạch.

7. Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố

Tham gia với vai trò nòng cốt, ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế số, xã hội số. Thực hiện các mục tiêu, các nhiệm vụ tại phụ lục của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, kịp thời giải quyết. /.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, PCTUBND TP (1ABD);
- UB. MTTQVN và các Đoàn thể TP;
- Sở, ban ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Kho bạc NN TPCT;
- Hải quan TPCT;
- Cục Thuế TPCT;
- NHNN Việt Nam CN Cần Thơ;
- Công ty Điện lực TPCT;
- Các Trường ĐH, CĐ;
- Các DN Viễn thông, CNTT;
- Đài PT&TH TPCT;
- Báo Cần Thơ;
- VP UBND TP (2,3BCG,4,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.NNH

H

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Việt Trường

PHỤ LỤC 1

PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHUYÊN ĐỘI SỐ THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch Chuyên đội số thành phố Cần Thơ năm 2025)

| STT | Mục tiêu, Chỉ tiêu | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Ghi chú |
|----------|--|---|---|---------|
| I | Chính quyền số | | | |
| 1 | 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | |
| 2 | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ tối thiểu 95% | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND TP | |
| 3 | Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ tối thiểu 60% | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND TP | |
| 4 | 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND TP | |

| | | | | |
|----|---|---|---|--|
| 5 | Số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành. Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100% | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND TP | |
| 6 | 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin báo cáo của thành phố và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 7 | Tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số đạt tối thiểu 70% | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 8 | 100% các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp dữ liệu mở theo Danh mục Dữ liệu mở của thành phố | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 9 | Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) cấp tỉnh đạt 90%; cấp huyện đạt 80%; cấp xã đạt 60% | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 10 | Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100% | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông | |

| | | | | |
|----------------------|---|--|---|--|
| 11 | 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 12 | 100% Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được trang bị đầy đủ thiết bị CNTT (máy quét mã QR, máy scan, máy in...) phục vụ Đề án 06, chuyển đổi số | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 13 | 100% máy chủ, máy trạm tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung bảo vệ. | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | |
| 14 | 100% các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn bố trí bộ phận hoặc đầu mối thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | Sở ban, ngành; UBND quận, huyện; UBND xã, phường thị trấn | |
| II Kinh tế số | | | | |
| 1 | Tỷ trọng kinh tế số trên GDP đạt tối thiểu 20% | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | |
| 2 | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80% | Sở Công Thương | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 3 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50% | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Thông tin và Truyền thông | |

| | | | | |
|----------------------|---|---------------------------------|---|--|
| 4 | 100% trung tâm thương mại; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách | Cục Thuế thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công Thương | |
| 5 | 99% doanh nghiệp nộp thuế điện tử | Cục Thuế thành phố | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | |
| 6 | Đưa Khu Công nghệ thông tin tập trung Cần Thơ đi vào hoạt động hiệu quả | Quý Đầu tư phát triển thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | |
| III Xã hội số | | | | |
| 1 | Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50% | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | |
| 2 | 100% số hộ gia đình, 100% xã, phường, thị trấn có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cấp quang băng rộng | Sở Thông tin và Truyền thông | Doanh nghiệp viễn thông | |
| 3 | Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh đạt 100% | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các trường học trên địa bàn | |
| 4 | Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100% | Sở Y tế | Các bệnh viện, Trung tâm y tế, các cơ sở khám chữa bệnh | |

| | | | |
|----|---|--|--|
| 5 | Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân | Sở Y tế | UBND quận, huyện; các bệnh viện, Trung tâm y tế, các Trạm y tế, các cơ sở khám chữa bệnh |
| 6 | Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; 100% xã, phường, thị trấn có mạng di động 5G | Sở Thông tin và Truyền thông | Doanh nghiệp viễn thông |
| 7 | 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác | Ngân hàng nhà nước Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ | Các cơ quan, đơn vị có liên quan |
| 8 | 70% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan, đơn vị có liên quan |
| 9 | 70% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị có liên quan |
| 10 | 50% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các trường học trên địa bàn |



PHỤ LỤC 2
PHẦN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN KẾ HOẠCH CHUYÊN ĐỔI SỐ THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch Chuyên đổi số thành phố Cần Thơ năm 2025)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|----------|--|---|---------------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | Tổng kinh phí | | | | 150,327,674,000 | 94,100,000,000 | 56,227,674,000 | |
| I | Nâng cao nhận thức, tuyên truyền đẩy mạnh chuyển đổi số | | | | 0 | 0 | 0 | |
| 1 | Cấp nhật thường xuyên tin, bài, văn bản liên quan về chuyển đổi số trên Trang Chuyên đổi số thành phố, Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử thành phố, Đài Phát thanh - Truyền hình Cần Thơ, Báo Cần Thơ và các phương tiện thông tin đại chúng | Văn phòng UBND TP; Đài PT&TH Cần Thơ; Báo Cần Thơ | Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | Thường xuyên | | | | |
| 2 | Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các cuộc triển lãm, trưng bày lưu động về sản phẩm số, giải pháp số, các thành tựu về chuyển đổi số của thành phố Cần Thơ | Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------------------|---|----------------------|--------------------|-----------|-----------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Ngân sách | Ngân sách | |
| | | | | | | ĐTPT | nguồn sự nghiệp | |
| 3 | Phát động cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số trong đội ngũ CBCCVC | Sở Nội vụ | Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban ngành; UBND quận, huyện liên quan; báo, đài thành phố | 05/2025 | | | | |
| 4 | Tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số” của thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 10/2025 | | | | |
| 5 | Phát động cuộc thi tìm hiểu về Chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số trong quần chúng nhân dân (Tổng kết công bố vào sự kiện Ngày chuyển đổi số) | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 06/2025 | | | | |
| II | Thẻ chế, chính sách số | | | | 0 | 0 | 0 | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|------------------------------|---------------------------------|----------------------|--------------------|------------|-----------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 1 | Ban hành cơ chế, chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương thúc đẩy chuyển đổi số | Sở, ban, ngành | Sở Thông tin và Truyền thông | 09/2025 | | | | |
| 2 | Rà soát, cập nhật Quy chế kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | 09/2025 | | | | |
| 3 | Rà soát, cập nhật, ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | 09/2025 | | | | |
| 4 | Rà soát, cập nhật, ban hành Quy chế quản lý Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 5 | Rà soát, cập nhật, ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | 09/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|--|------------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|------------|-----------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 6 | Rà soát, cập nhật, ban hành Quy chế vận hành Hệ thống thông tin báo cáo thành phố | Văn phòng UBND TP | Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | 06/2025 | | | | |
| 7 | Chính sách thuế chuyên gia chuyển đổi số | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 8 | Chính sách hỗ trợ đổi mới với Tô công nghệ số cộng đồng | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 9 | Chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 10 | Tham mưu ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Tài chính | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|------------|---|---|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | Nguồn sự nghiệp | |
| 11 | Tham mưu ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công về thông tin, truyền thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của địa phương | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội | 12/2025 | | | | |
| III | Hạ tầng số | | | | 49,174,210,000 | 34,100,000,000 | 15,074,210,000 | |
| 1 | Phát triển mạng 5G tại thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | Doanh nghiệp viên thông | 12/2025 | | | | |
| 2 | Hỗ trợ chữ ký số cho người dân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Sở Thông tin và Truyền thông; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số | | Thường xuyên | | | | |
| 3 | Chuyển đổi IPv6 cho các dịch vụ ứng dụng CNTT tại Trung tâm dữ liệu thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----------|---|----------------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|-----------|--------------------|--|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| IV | Nhân lực số | | | | | | | |
| 4 | Thuê Trung tâm dữ liệu dự phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | | 12/2025 | 1,000,000,000 | | 1,000,000,000 | |
| 5 | Thuê dịch vụ mạng Truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước | Sở Thông tin và Truyền thông | | 03/2025 | 2,800,000,000 | | 2,800,000,000 | |
| 6 | Nâng cấp trang thiết bị CNTT (máy scan, máy tính, máy quét mã vạch ...) phục vụ Đề án 06, Chuyên đổi số | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | | 06/2025 | | | | Nguồn kinh phí chi thường xuyên của đơn vị |
| 7 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 34,100,000,000 | | 34,100,000,000 | |
| 8 | Xây dựng trung tâm dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chuyển đổi số của lực lượng Công an thành phố | Công an thành phố | | 12/2025 | 11,274,210,000 | | 11,274,210,000 | |
| IV | Nhân lực số | | | | 850,000,000 | 0 | 850,000,000 | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|--|------------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|------------|-----------------|-----------------------------------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 1 | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyên đổi số nói chung cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCV |
| 2 | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về một trong những chuyên đề: kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về an toàn thông tin; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin. | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCV |
| 3 | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho CBCCV, người dân, Tổ công nghệ số cộng đồng | UBND quận, huyện | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | Ngân sách quận, huyện |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|--|------------------------------|--|----------------------|--------------------|-----------------|-------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | Nguồn DTPPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| 4 | Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEM/STEAM/STEAME) | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các trường học trên địa bàn | 12/2025 | | | | |
| 5 | Xây dựng, triển khai các nội dung, chương trình truyền thông về kỹ năng số cho học sinh phổ thông | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các trường học trên địa bàn | 12/2025 | | | | |
| 6 | Thuê nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) thành phố Cần Thơ | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 06/2025 | 850,000,000 | | 850,000,000 | |
| 7 | Chi đạo các tổ chức cơ sở đoàn trực thuộc cứ thành viên tham gia làm lực lượng nòng cốt trong Tổ Công nghệ số cộng đồng (CNSCD); phát động các phong trào thi đua trong đoàn viên thanh niên tiên phong sử dụng các nền tảng, ứng dụng công nghệ số, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư | Thành đoàn | Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp | Thường xuyên | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|--|------------------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------|-----------|----------------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | Nguồn sự nghiệp | |
| 8 | Vận động các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố cử nhân sự đầu mối thành thạo kỹ năng số tham gia hoạt động của Tổ CNSCD để đẩy mạnh hoạt động của Tổ CNSCD theo hướng xã hội hóa; có chính sách ưu đãi giá sản phẩm, dịch vụ số cho thành viên Tổ CNSCD để thuận lợi trong hoạt động của Tổ CNSCD | Sở Thông tin và Truyền thông | Các tổ chức, doanh nghiệp | Thường xuyên | | | | |
| 9 | Tổ chức lớp đào tạo cơ bản về nhận thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo tâm thế khởi nghiệp cho các đối tượng là học sinh, sinh viên và thanh niên để hình thành, phát triển và hoàn thiện ý tưởng khởi nghiệp. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Giáo dục và Đào tạo; các Trường. | Hàng năm | | | | |
| V | Phát triển dữ liệu số, nền tảng số | | | | 4,530,000,000 | 0 | 4,530,000,000 | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|----------------------------------|---|----------------------|--------------------|-----------------|--|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | Nguồn ĐTPPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| 1 | Ban hành Kế hoạch phát triển dữ liệu ngành, lĩnh vực (Bao gồm danh mục Cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành, lĩnh vực); tích cực, chủ động thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu tại Sở, ban, ngành, dữ liệu tại Bộ, ngành về Kho dữ liệu dùng chung thành phố | Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Sở Thông tin và Truyền thông | 03/2025 | | | | |
| 2 | Thực hiện kiểm kê, kiểm tra, đánh giá dữ liệu; triển khai, cung cấp dữ liệu mở theo quy định tại Nghị định 47/2024/NĐ-CP | Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |
| 3 | Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực | Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Văn phòng UBND TP; Sở TTTT | 12/2025 | | | | |
| 4 | Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tài sử dụng dữ liệu số hóa | Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Văn phòng UBND TP; Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------|-------------|----------------------|---|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn DTPPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 5 | Hệ thống thông tin nguồn cấp thành phố và hạ tầng kết nối tích hợp Hệ thống truyền thanh cơ sở | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 1,000,000,000 | | 1,000,000,000 | Thuê trong 03 năm, tổng kinh phí: 4,173,600,000 |
| 6 | Xây dựng CSDL chức sắc, chức việc, tín đồ, tổ chức, đất đai xây dựng tín ngưỡng tôn giáo | Sở Nội vụ | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 680,000,000 | | 680,000,000 | |
| 7 | Xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động, việc tìm người – người tìm việc thành phố Cần Thơ | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 850,000,000 | | 850,000,000 | |
| 8 | Kết nối, tích hợp và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu của các đơn vị về Kho dữ liệu thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 2,000,000,000 | | 2,000,000,000 | |
| VI | An toàn thông tin mạng | | | | 9,176,064,000 | 0 | 9,176,064,000 | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|------------|-----------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 1 | Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý (tối thiểu 01 lần/02 năm đối với hệ thống cấp độ 1, cấp độ 2; 01 lần/năm đối với hệ thống thông tin cấp độ 3, cấp độ 4; 01 lần/06 tháng đối với hệ thống thông tin cấp độ 5) | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 2 | Rà soát danh sách các sub domain (*.cantho.gov.vn) để tiến hành đánh giá an toàn thông tin định kỳ và triển khai gần nhân tin nhiệm mạng cho các website | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 3 | Rà soát, cảnh báo an toàn thông tin mạng, lộ lọt thông tin cá nhân. | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | Thường xuyên | | | | |
| 4 | Rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin | Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|--|------------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|---------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| 5 | Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng trong năm 2025; triển khai đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và nâng cao năng lực của đội ứng cứu sự cố | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 6 | Hoàn thiện quy trình, phương án, giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố trong vòng 24 tiếng | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 7 | Tổ chức giám sát, bảo vệ đầy đủ các lớp: lớp mạng, lớp ứng dụng, lớp cơ sở dữ liệu, lớp thiết bị đầu cuối cho các Hệ thống thông tin cấp độ 3 | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |
| 8 | Triển khai dịch vụ phòng, chống mã độc tập trung cho các máy chủ, máy trạm trong các cơ quan nhà nước | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 06/2025 | 2,200,000,000 | | 2,200,000,000 | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|------------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|------------|-----------------|---|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 9 | Thuê dịch vụ công nghệ thông tin xây dựng và triển khai thực hiện “Hệ thống quản lý, giám sát thông tin báo điện tử và mạng xã hội” | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 06/2025 | 1,161,064,000 | | 1,161,064,000 | |
| 10 | Thuê dịch vụ kiểm tra, đánh giá An toàn thông tin mạng, tư vấn phương án đảm bảo an toàn thông tin cấp độ cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 của thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 315,000,000 | | 315,000,000 | |
| 12 | Dịch vụ Giám sát điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 06/2025 | 2,500,000,000 | | 2,500,000,000 | Thuê trong 02 năm, tổng kinh phí: 5.000,000,000 |
| 13 | Mua sắm hệ thống tường lửa cơ sở dữ liệu (DBF) | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 2,700,000,000 | | 2,700,000,000 | Bản quyền 02 năm |
| 14 | Mua sắm hệ thống phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP) | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 300,000,000 | | 300,000,000 | Bản quyền 02 năm |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|------|--|----------------------------------|----------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | |
| VIII | Chính quyền số | | | | 29,810,000,000 | 10,000,000,000 | 19,810,000,000 | |
| | <i>Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ người dân, doanh nghiệp</i> | | | | | | | |
| 1 | Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | Văn phòng UBND thành phố | Thường xuyên | | | | |
| 2 | Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | Văn phòng UBND thành phố | 12/2025 | | | | |
| 3 | Nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố Cần Thơ | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 3,600,000,000 | | 3,600,000,000 | |
| 4 | Triển khai dịch vụ giám sát tương tác phục vụ, phản hồi của người dân (Tổng đài dịch vụ công 1022) | Văn phòng UBND thành phố | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 1,720,000,000 | | 1,720,000,000 | |
| 5 | Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử thành phố. | Văn phòng UBND thành phố | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 1,800,000,000 | | 1,800,000,000 | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|---|----------------------------------|----------------------|--------------------|-------------|-----------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn DTPPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 6 | Nâng cấp và hoàn thiện ứng dụng Cần Thơ Smart | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 1,000,000,000 | | 1,000,000,000 | |
| 7 | Bản đồ số về các dự án kêu gọi đầu tư trên nền tảng thực tế ảo (VR360) | Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM và Hội chợ Triển lãm | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 1,000,000,000 | | 1,000,000,000 | |
| | <i>Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành</i> | | | | | | | |
| 8 | Thuê dịch vụ Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 7,600,000,000 | | 7,600,000,000 | |
| 9 | Nền tảng Số hóa và lưu trữ số (Dịch vụ số hóa; Lưu trữ cơ quan; Lưu trữ lịch sử; Khai thác lưu trữ) | Sở Nội vụ | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 2,500,000,000 | | 2,500,000,000 | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-------------|---|------------------------------|----------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|---|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | Nguồn DTPPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| 10 | Hệ thống trang thiết bị truyền nhận, phần mềm quản lý, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục và xây dựng, quản lý có sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải và thiết bị giám sát, quản lý khối lượng chất thải rắn. | Sở Tài nguyên và Môi trường | | 12/2025 | 10,000,000,000 | 10,000,000,000 | | |
| | <i>Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo</i> | | | | | | | |
| 11 | Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 03/2025 | 590,000,000 | | 590,000,000 | Thuê trong 02 năm, tổng kinh phí: 1,180,000,000 |
| VIII | Kinh tế số | | | | 52,000,000,000 | 50,000,000,000 | 2,000,000,000 | |
| | <i>Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp</i> | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng Khu CNTT tập trung | Quý đầu tư phát triển | Sở, ban, ngành | 12/2025 | | | | |
| 2 | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia Chuyển đổi số | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|--|--|----------------------|--------------------|-----------------|--|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | Nguồn DTPPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| 3 | Chính sách hỗ trợ kinh tế chia sẻ, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn | Viện Kinh tế thành phố | | 12/2025 | | | | |
| 4 | Xây dựng doanh nghiệp mẫu về chuyển đổi số để làm các mô hình mẫu cho các doanh nghiệp học hỏi và nhân rộng | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | 12/2025 | | | | |
| 5 | Hỗ trợ tham giải thưởng sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam và Chương trình các nền tảng đồng hành chuyển đổi số | Sở Thông tin và Truyền thông | Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ; các Viện, Trường. | 12/2025 | | | | |
| 6 | Triển khai Diễn đàn về doanh nghiệp công nghệ số, khởi nghiệp công nghệ số | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | 12/2025 | | | | |
| 7 | Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp công nghệ số tham gia gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp | Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; Hiệp hội Doanh nghiệp | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|--------------------|--------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|--|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | Nguồn DTPPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| | | | thành phố Cần Thơ (CBA); | | | | | |
| | <i>Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại điện tử</i> | | | | | | | |
| 8 | Chuyển đổi mô hình hoạt động của các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tập hoá và chợ truyền thống; các làng nghề thủ công mỹ nghệ dựa trên công nghệ số và dữ liệu số | UBND quận, huyện | Sở Công Thương | 12/2025 | | | | |
| 9 | Triển khai mô hình quản lý rủi ro đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, livestream bán hàng; đẩy mạnh áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý dữ liệu lớn, đưa ra các cảnh báo đối với trường hợp có rủi ro về thuế. | Cục Thuế thành phố | | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|--|--|------------------|----------------------|--------------------|-----------------|---------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Nguồn sách | | |
| | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| 10 | Triển khai triệt để giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách | Cục Thuế thành phố | | 12/2025 | | | | |
| | Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp | | | | | | | |
| 11 | Triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản mang lại năng suất và giá trị kinh tế cao | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | 12/2025 | | | | |
| 12 | Hình thành chuỗi cung ứng nông nghiệp và truy xuất nguồn gốc nông sản toàn trình từ lúc nuôi trồng cho đến khi tới tay người tiêu dùng | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | 12/2025 | 2,000,000,000 | | 2,000,000,000 | |
| 13 | Tổ chức thực hiện việc xây dựng các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp và các kịch bản sử dụng dữ liệu | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | 12/2025 | | | | |
| | Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực giao thông | | | | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----------|--|-------------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|-----------------|----------------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| 14 | Đầu tư Hệ thống quản lý giao thông thông minh (TTS) thành phố Cần Thơ Giai đoạn 1 (Triển khai các hạng mục như tủ tín hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát CCTV, Hệ thống dò xe VDS và Trung tâm điều khiển) | Sở Giao thông vận tải | | 12/2025 | 50,000,000,000 | 50,000,000,000 | | |
| 15 | <i>Phái triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất, chế tạo</i> Triển khai thí điểm mô hình nhà máy thông minh tại một số nhà máy sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo như: dệt may, chế biến nông sản; tự động hóa các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, từ khâu kiểm tra nguyên vật liệu, chế biến, sản xuất, lắp ráp cho tới khâu kiểm soát chất lượng, đóng gói | Sở Công Thương | | 12/2025 | | | | |
| IX | Xã hội số | | | | 4,787,400,000 | 0 | 4,787,400,000 | |
| 1 | Hỗ trợ hộ gia đình có thuê bao băng rộng cáp quang | Sở Thông tin và Truyền thông; | Doanh nghiệp viên thông | 12/2025 | 0 | | | |
| 2 | Hỗ trợ thiết bị điện thoại thông minh cho người dân | Sở Thông tin và Truyền thông; | Doanh nghiệp viên thông | 12/2025 | 0 | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|--|----------------------------------|----------------------|--------------------|------------|-----------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 3 | Hỗ trợ người dân có tài khoản thanh toán điện tử. | Ngân hàng nhà nước Việt Nam CN Cần Thơ | Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện | 12/2025 | 0 | | | |
| 4 | Triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân | Sở Y tế | | 12/2025 | 2,667,400,000 | | 2,667,400,000 | |
| 5 | Triển khai quản lý hồ sơ học bạ điện tử | Sở Giáo dục và Đào tạo | | 12/2025 | 0 | | | |
| 6 | Hệ thống quản lý trường học | Sở Giáo dục và Đào tạo | | 12/2025 | 1,000,000,000 | | 1,000,000,000 | |
| 7 | Khám chữa bệnh sử dụng QRcode thẻ CCCD và VNeID | Sở Y tế | | 12/2025 | 120,000,000 | | 120,000,000 | |
| 8 | Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe (Mô hình 17) | Sở Giao thông vận tải | | 12/2025 | 400,000,000 | | 400,000,000 | |
| 9 | Triển khai giải pháp kiểm soát ra/vào tại Bến xe trung tâm thành phố Cần Thơ (Mô hình 15) | Sở Giao thông vận tải | | 12/2025 | 600,000,000 | | 600,000,000 | |
| 10 | Chuẩn hóa xác thực tập trung, hỗ trợ đăng nhập ứng dụng Can Tho Smart thông qua VNeID | Sở Thông tin và Truyền thông | Công an thành phố | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------|--|----------------------|--------------------|------------|-----------------|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | | Nguồn ĐTPT | Nguồn sự nghiệp | |
| 11 | Triển khai Hệ thống quản lý học sinh thông minh kết nối với ứng dụng Can Tho Smart | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |
| 12 | Triển khai Hệ thống giám sát và thông tin trực tuyến hoạt động xe bus công cộng trên ứng dụng Can Tho Smart | Sở Giao thông vận tải | Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |
| 13 | Triển khai Hệ thống khuyến mại tập trung trên ứng dụng Can Tho Smart | Sở Công Thương | Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |
| 14 | Triển khai Hệ thống xúc tiến du lịch trên ứng dụng Can Tho Smart | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |
| 15 | Triển khai Hệ thống đặt lịch khám bệnh và hồ sơ sức khỏe trên ứng dụng Can Tho Smart | Sở Y tế | Sở Thông tin và Truyền thông | 12/2025 | | | | |

| STT | Nhiệm vụ/ Dự án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Khái toán kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|---|------------------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|--|---------|
| | | | | | Tổng kinh phí | Ngân sách | | |
| | | | | | Nguồn DTPPT | Nguồn sự nghiệp | | |
| 16 | Tăng cường triển khai thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử tích hợp trên ứng dụng Can Tho Smart | Sở Công Thương | Sở Thông tin và Truyền Thông | 12/2025 | | | | |
| 17 | Triển khai Công thông tin điện tử thành phố trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến | Văn phòng UBND thành phố | | 12/2025 | | | | |
| 18 | Hoàn thiện Công thông tin SPP, hỗ trợ truy xuất thông tin quy hoạch, thông tin thửa đất trên ứng dụng Can Tho Smart | Sở Thông tin và Truyền Thông | Sở Tài nguyên và Môi trường | 12/2025 | | | | |